

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2024.

(V/v: *Ly hôn, chia tài sản chung*).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lưu Thị Thôi.

2/ Ông Đỗ Văn Hoà.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 331/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2022 về việc “*Ly hôn, chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2024 giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim L – sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Thôn X, xã P, thành phố P, Bình Thuận.

* **Bị đơn:** Ông Lê Tấn P – sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Khu phố B, phường P, thành phố P, Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại nội dung đơn kiện, bản khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông P tự nguyện tìm hiểu, chung sống vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận vào ngày 05/10/2005.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cãi vã, ảnh hưởng tới gia đình con cái. Ông P có tính lăng nhăng, quen nhiều phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng đã tự sống ly thân nhau từ năm 2016

cho đến nay, mạnh ai nấy sống. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

- Về con chung: bà khai có 02 con chung tên Lê Thị Cẩm V (nữ) - sinh ngày 17/12/1997; Lê Tấn D (nam), sinh ngày 08/9/2000. Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà 70m² xây dựng tháng 9/2012, trị giá 80.000.000 đồng cất trên đất 5% của xã P quản lý. Bà có nguyện vọng được trực tiếp quản lý sử dụng căn nhà trên và hoàn lại cho ông P 40.000.000 đồng giá trị ½ căn nhà.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà L trình bày: vẫn giữ ý kiến đã trình bày, bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau và không ai quan tâm đến ai. Nay bà L yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P. Về con chung, nợ chung: vẫn giữ ý kiến đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Về tài sản chung: Bà đã nộp đơn xin rút yêu cầu về phân chia tài sản chung.

*** Tại nội dung bản khai, bị đơn ông Lê Tấn P trình bày:**

Ông đồng ý ly hôn, theo yêu cầu của bà L vì tình cảm vợ chồng không còn, tình cảm không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2016 vợ chồng sống ly thân nhau.

- Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Lê Thị Cẩm V (nữ) - sinh ngày 17/12/1997; Lê Tấn D (nam), sinh ngày 08/9/2000.

- Về tài sản chung: Tại đơn phản tố ngày 25/5/2022 ông P khai: Ngày 09/10/2010 vợ chồng có làm hợp đồng chuyển nhượng đất với vợ chồng ông Dương Văn S, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận thửa đất số 963, tờ bản đồ số 01, diện tích 360m² đất ở tọa lạc tại thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Diện tích thực tế vợ chồng ông sử dụng còn lại 240m², ông là người xây dựng căn nhà trên đất và năm 2020, căn nhà xuống cấp nên bản thân ông thuê đất đổ nền và xây tường, hàng rào và làm cửa sắt để tu bổ, chỉnh trang ngôi nhà với số tiền trên 200.000.000 đồng. bà L không đóng góp gì cho ngôi nhà này. Hiện nay đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. ông đề nghị được quản lý, sử dụng căn nhà và phần đất đã có nhà và hoàn tiền lại cho bà L. Giá trị của nhà và đất là 500.000.000 đồng.

Thửa đất số 1179, tờ bản đồ số 2, diện tích 100m² đất ở nông thôn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 176913, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số H 00510 do UBND thành phố P cấp ngày 30/10/2008 cho bà L, trị giá 500.000.000 đồng.

Tổng tài sản mà ông được nhận là 500.000.000 đồng và ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 25/10/2022, Tòa án đã ban hành Thông báo về việc thụ lý yêu cầu chia tài sản chung của ông P.

Bị đơn ông Lê Tấn P trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông P vắng mặt tại các buổi công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến và hòa giải được.

Ông Lê Tấn P đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*** Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau :

- Về tố tụng: từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Tại phiên tòa hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn, chấp hành đúng các quy định của pháp luật và chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã thể hiện hôn nhân của bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Tấn P là hợp pháp, ông bà tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận vào năm 2005. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do cách sống không hợp nhau, không tin tưởng nhau dẫn đến cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, ông bà đã tự sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hơn nữa tại bản tự khai và đơn phản tố ông P đồng ý ly hôn như vậy chứng tỏ tình cảm vợ chồng của ông bà không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó: căn cứ vào Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà L được ly hôn ông P.

Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên là Lê Thị Cẩm V (nữ) - sinh ngày 17/12/1997; Lê Tấn D (nam), sinh ngày 08/9/2000. Hiện nay hai con đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung: Ngày 16/8/2023, bà L làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết về tài sản (căn nhà) nên đề nghị Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về yêu cầu phản tố chia tài sản chung của bị đơn ông Lê Tấn P: Ngày 25/10/2022, Tòa án đã ban hành Thông báo về việc thụ lý yêu cầu chia tài sản chung số 331a. Tuy nhiên sau khi thụ lý yêu cầu chia tài sản chung, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông P không tới Tòa cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn do triệu tập họp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Về nợ chung: Ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát thành phố P, hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, chia tài sản chung chung. Bị đơn là ông Lê Tấn P hiện cư trú tại phường P, thành phố P. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Tấn P là hợp pháp, ông bà tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận vào ngày 05 tháng 10 năm 2005.

Quá trình giải quyết vụ án, ông bà khai trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng sống không hạnh phúc thường xảy ra mâu thuẫn do cách sống không hợp nhau, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau nên cuộc sống gia đình không có hạnh phúc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Hiện nay ông bà đã tự sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Tại bản tự khai ông P cũng đồng ý thuận tình ly hôn. Như vậy chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với ông Lê Tấn P.

[3] Về con chung: Ông P, bà L khai có 02 con chung tên là Lê Thị Cẩm V (nữ) - sinh ngày 17/12/1997; Lê Tấn D (nam), sinh ngày 08/9/2000. Hiện nay hai con đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung:

[4.1] Tại đơn khởi kiện bà L đề nghị chia tài sản chung là căn nhà cấp 4, xây dựng trên đất 5% của xã P quản lý tọa lạc tại thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, trị giá 80.000.000 đồng, bà có nguyện vọng nhận bằng hiện vật và đồng ý hoàn lại số tiền 40.000.000 đồng.

Vào ngày 16/8/2023, bà L làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết về tài sản (căn nhà) nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia tài sản chung.

[4.2] Tại đơn phản tố ngày 25/5/2022 ông P khai: Ngày 09/10/2010 vợ chồng có làm hợp đồng chuyển nhượng đất với vợ chồng ông Dương Văn S, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận thửa đất số 963, tờ bản đồ số 01, diện tích 360m² đất ở tọa lạc tại thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Diện tích thực tế vợ chồng ông sử dụng còn lại 240m², ông là người xây dựng căn nhà trên đất và năm 2020, căn nhà xuống cấp nên bản thân ông thuê đất đổ nền và xây tường, hàng rào và làm cửa sắt để tu bổ, chỉnh trang ngôi nhà với số tiền trên 200.000.000 đồng. Bà L không đóng góp gì cho ngôi nhà này. Hiện nay đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông đề nghị được quản lý, sử dụng căn nhà và phần đất đã có nhà và hoàn tiền lại cho bà L. Giá trị của nhà và đất là 500.000.000 đồng.

- Thửa đất số 1179, tờ bản đồ số 2, diện tích 100m² đất ở nông thôn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 176913, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số H 00510 do UBND thành phố P cấp ngày 30/10/2008 cho bà L, trị giá 500.000.000 đồng.

Tổng tài sản mà ông được nhận là 500.000.000 đồng và ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/10/2022, Tòa án đã ban hành Thông báo về việc thụ lý yêu cầu chia tài sản chung số 331a. Tuy nhiên sau khi thụ lý yêu cầu chia tài sản chung, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông P không tới Tòa cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu phản tố của mình. Ông P đã triệu tập họp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn. Số tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp sẽ sung quỹ nhà nước. Sau này nếu ông P có tranh chấp thì sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

[5] Về phần nợ chung: Bà L, ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về chi phí tố tụng: Bà L chịu số tiền xem xét, thẩm định là 2.000.000 đồng đã nộp tạm ứng. Ông P chịu 2.459.000 đồng chi phí đo đạc đã nộp tạm ứng.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; số tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp sung quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng: Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn ông Lê Tấn P.

- Về con chung: Ông P, bà L khai có 02 con chung tên Lê Thị Cẩm V (nữ) - sinh ngày 17/12/1997; Lê Tấn D (nam), sinh ngày 08/9/2000. Hiện nay hai con đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung:

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung do nguyên đơn xin rút yêu cầu.

+ Đình chỉ yêu cầu phản tố chia tài sản chung của bị đơn ông Lê Tấn P do ông P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Về nợ chung: ông P, bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 04/5/2022, bà L đã nộp 1.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu theo biên lai số 0009664, nay chuyển 300.000 đồng sang án phí và sung công quỹ nhà nước. Bà L được hoàn lại số tiền 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí. Số tiền 12.000.000 đồng ông Lê Tấn P đã nộp tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu theo biên lai số 0013775 ngày 25/10/2022 được sung quỹ nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn; nguyên đơn bà L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ

ngày tuyên án (13/5/2024); bị đơn ông P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận : T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự; **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
- Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết;
- Toà án tỉnh Bình Thuận;
- UBND phường Phú Tài, Phan Thiết, BT;
- Thi hành án dân sự Phan Thiết;
- Lưu.

PHAN THỊ THÁI